

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Chính trị học; Chuyên ngành: Hành chính công



A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phùng Văn Hiền

2. Ngày tháng năm sinh: 29/01/1966; Nam ☒; Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Sơn đà, Ba Vì, Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 18/629 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 18/629 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 02438.235.888; Điện thoại di động: 0888896868; E-mail: Phunghiennapa@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.
11/1987-8/1996	Kế toán Công ty nội hơi Việt Nam (Bộ NN và PTNT)
8/1996-7/1997	Đi học và làm Kế toán tại CN Công ty ĐTSX & XNK Hà Tĩnh tại Hà Nội.
7/1997-7/1999	Nghỉ việc riêng đi học
7/1999-9/2002	Phó Trưởng phòng Kế hoạch-Vật tư, Công ty cơ khí Nam Hồng (Sở Công nghiệp Hà Nội) (chức vụ tại thời điểm cuối)
9/2002-2005	Chuyên viên Phòng đào tạo Tại chức, Học viện Hành chính Quốc gia
2005-2007	Phó Trưởng phòng đào tạo Tại chức, Học viện Hành chính Quốc gia
1/2008 – 2009	Q. Trưởng phòng đào tạo Tại chức, Học viện Hành chính Quốc gia; Giảng viên kiêm chức khoa QLNN về Đô thị - Nông thôn (2009).

Ph
1

2009 - 2/2018	Trưởng phòng đào tạo Tại chức, Học viện Hành chính Quốc gia; Giảng viên kiêm chức khoa QLNN về Kinh tế (2016).
2008-2010	Phó Bí thư chi bộ khoa Đào tạo - Bồi dưỡng CC&TC, Học viện HCQG
2010-2011	Bí thư chi bộ khoa Đào tạo - Bồi dưỡng CC&TC Học viện Hành chính QG
2015-2017	Chi uỷ Ban đào tạo, Học viện Hành chính Quốc gia; Ủy viên hội đồng Khoa học khoa QLNN về Đô thị – Nông thôn Học viện Hành chính QG.
2/2018-3/2020	Trưởng Bộ môn Tài nguyên và Môi trường, Học viện Hành chính QG; Phó Chủ tịch hội đồng Khoa học đào tạo khoa QLNN về Xã hội Học viện Hành chính Quốc gia (2018).
3/2020-11/2024	Phó Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính Học viện Hành chính Quốc gia.
6/2023-11/2024	Phó Bí thư chi bộ Ban Kế hoạch – Tài chính, Học viện Hành chính Quốc gia nhiệm kỳ 2022-2025.
11/2024-01/2025	Phó Trưởng khoa Quản lý kinh tế, Học viện Hành chính Quốc gia.
Từ 01/2025 đến nay(sáp nhập)	Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính, Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa (Ban).

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Số 135 Nguyễn Phòng Sắc, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243.7.741.730

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Học viện Hành chính và Quản trị công; Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội và Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Hành chính Quốc gia, Học viện Hành chính và Quản trị công.

Trình độ đào tạo:

- Bằng đại học:

+ Được cấp bằng ĐH ngày 29/5/2001; số văn bằng: c 53617; ngành: Luật, chuyên ngành; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Việt Nam.

+ Được cấp bằng ĐH ngày 04/7/2001; số văn bằng: c 136911; ngành: Kế toán, chuyên ngành: Kế toán công nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Tài chính kế toán Hà Nội, Việt Nam.

+ Được cấp bằng ĐH ngày 31/8/2018; số văn bằng: ĐH 000584; ngành: Tiếng Anh, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Việt Nam.



- Được cấp bằng ThS ngày 02/7/2008; số văn bằng: 0327, No.A041993; ngành: Chính trị học; chuyên ngành: Quản lý hành chính công; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Hành chính Quốc gia, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 10/02/2015; số văn bằng: 003826; ngành: Chính trị học; chuyên ngành: Quản lý hành chính công; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Hành chính Quốc gia, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chính trị học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

13.1. Hướng nghiên cứu thứ nhất: Quản lý nhà nước về Giáo dục - Đào tạo, Kinh tế - Xã hội có kết quả nghiên cứu như sau:

- Hướng dẫn học viên cao học và NCS: số lượng 09, số thứ tự: [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [10], [11].

- Sách phục vụ đào tạo: số lượng 04, số thứ tự: [1], [2], [3], [4].

- Đề tài nghiên cứu khoa học: số lượng 04, số thứ tự: [1], [2], [5], [6].

- Bài báo khoa học: số lượng 25, số thứ tự: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [13], [14], [15], [16], [18], [20], [21], [24], [25], [26], [27], [28], [29], [30], [31], [32], [34].

13.2. Hướng nghiên cứu thứ hai: Quản lý nhà nước về Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp - Nông thôn có kết quả nghiên cứu như sau:

- Hướng dẫn học viên cao học: số lượng 03, số thứ tự: [6], [9], [11].

- Sách phục vụ đào tạo: số lượng 02, số thứ tự [5], [6].

- Đề tài nghiên cứu khoa học: số lượng 02, số thứ tự [03], [04].

- Bài báo khoa học: số lượng 09, số thứ tự: [9], [10], [11], [12], [16], [17], [19], [22], [23], [33].

Theo hai hướng nghiên cứu, trong đó là tác giả đứng đầu (First author) gồm 6 bài: [19], [24], [25]; [26], [28], [289] và tác giả liên hệ duy nhất (Corresponding author) gồm 3 bài [20], [21], [23].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS đã được cấp bằng Tiến sỹ [4].

- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn được cấp bằng ThS/CK2/BSNT; 10 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ [1-3], [5-11].
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 cấp bộ [5] (là chủ nhiệm); 02 cấp bộ [1], [2] (là thành viên) và 03 cấp cơ sở [3], [4], [6] (là chủ nhiệm);
- Đã công bố (số lượng) 34 bài báo khoa học, có 14 bài được các tạp chí quốc tế đăng tải (trong đó có 10 bài uy tín thuộc danh mục ISI và Scopus [19]; [20], [21], [22] [24]; [25]; [26], [27], [28], [29]), có 20 bài được các tạp chí trong nước đăng tải.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 06 cuốn [1-6], trong đó 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen, giấy khen.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số trên 16 năm (từ năm 2009).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Căn cứ quy của Học viện Hành chính Quốc gia từ năm 2018 đến năm 2025 về định mức giờ giảng, đối với giảng viên cơ hữu kiêm nhiệm thuộc Học viện Hành chính Quốc gia (Quyết định số 3473/3417/QĐ-HCQG ngày 31/27 tháng 7/5 năm 2023/2024 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về chế độ làm việc của giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia).

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			01		285	30	315/416.5/263.5
2	2020-2021			05		256	30	286/483.9/77.5
3	2021-2022			02		105		105/117/77.5
3 năm học cuối								
4	2022-2023					90		90/108/77.5

5	2023-2024					45	28	73/86.4/78.3
6	2024-2025			01			120	120/217.2/200

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; số văn bằng: ĐH 000584; năm cấp 31/8/2018.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh cấp năm 2018, chứng chỉ B tiếng Anh năm 1999.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Hồng Phượng XD Nông thôn mới		x	x		15/5/2016 - 15/9/2016	Học viện Hành chính quốc gia	Số bằng A167404, số vào sổ 3944 ngày 12/6/2017, QĐTN 897/QĐ-HCQG ngày 27/4/2017)
2	Nguyễn Ngọc Tuấn		x	x		01/10/2016- 15/02/2017	Học viện Hành	Số bằng 178735, số vào sổ 4285, 26/12/2017,

	Quản lý thu NS					chính quốc gia	QĐTN 4123/QĐ-HCQG ngày 08/12/2017)
3	Nguyễn Hữu Tỉnh QLNN về đào tạo nghề cho lao động nông thôn		x	x	01/10/2016-15/2/2017		Số bằng 196478, số vào sổ 4554, 03/7/2018 QĐTN 1949/QĐ-HCQG ngày 18/6/2018
4	Nguyễn Tuấn Anh Quản trị DN nhỏ và vừa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tư nhân	x			x	2017-2020	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội Số bằng A000009 ngày 22/9/2021, QĐ số 91/QĐ-BGH ngày 14/9/2021
5	Nguyễn Trung Kiên QLNN về XD nông thôn mới		x	x	15/5/2017-05/10/2017	Học viện Hành chính quốc gia	Số bằng 196519, số vào sổ 4595, 03/7/2018, QĐTN 1950/QĐ-HCQG ngày 18/6/2018
6	Nguyễn Thi Vượng QLNN về Môi trường		x	x	05/01/2018-15/6/2018	Học viện Hành chính quốc gia	Số bằng A208929, số vào sổ 5079, 05/01/2019, QĐTN 5346/QĐ-HCQG ngày 28/12/2018
7	Đỗ Thị Mai QLNN về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp		x	x	01/3/2019-30/6/2019		Số bằng 000431, số vào sổ B-Ths-00017, 01/4/2020, QĐTN 673/QĐ-HCQG ngày 01/4/2020
8	Trần Đức Mạnh QLNN về XD nông thôn mới		x	x	01/3/2019-30/6/2019		Số bằng 000895, số vào sổ B-Ths-QL00002, 14/4/2021, QĐTN 673/QĐ-HCQG ngày 14/4/2021
9	Nguyễn Thị Thu Thảo QLNN về Môi trường		x	x	01/11/2019-29/02/2020		Số bằng 000636, số vào sổ B-Ths-QL00152, 15/12/2020, QĐTN 4131/QĐ-HCQG ngày 10/12/2020
10	Đinh Thị Kim Quản lý thuế ngoài quốc doanh		x	x	09/8/2021-09/12/2021	Học viện Hành chính quốc gia	Số bằng HCH7.000322, số vào sổ B-Ths-QL00345-2022-HCQG, 01/11/2022,

							QĐTN 3947/QĐ-HCQG ngày 01/11/2022
11	Đào Nguyên Phương Thanh, QLNN về MT trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai		x	x		25/8/2022-25/12/2022	Học viện Hành chính Quốc gia QĐTN 8197/QĐ-HCQG ngày 18/12/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (có 06 cuốn sách kèm theo)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Số Quyết định xuất bản 194/QĐXB-NXBKHK	CK	Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật. Số xuất bản 149-2011/CXB-410/KHKT; QĐ xuất bản số 194/QĐXB-NXBKHK, ngày nộp lưu chiểu 11/11/2011	03	Thành viên (55%) có xác nhận của chủ biên	23-153; 189-198; 204-219	Văn bản số 1000/BBTT-ĐHNH của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội ngày 21/5/2021 về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
2	Quản lý nhà nước dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước trong Giáo dục - Đào tạo đại học và sau đại học ở Việt Nam.	CK	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật. Số xuất bản 1429-2016/CXBIPH/7-19 CTQG; QĐ xuất bản số 757/QĐ-NXBCTQG, ngày nộp lưu chiểu 9/2016. Mã số ISBN 978-604-57-2482-8.	01	Chủ biên	01-243	Văn bản số 1000/BBTT-ĐHNH của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội ngày 21/5/2021 về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo
3	Quản lý nhà nước về Nông nghiệp và nông thôn.	GT đại học	Nhà xuất bản Bách Khoa. Số xuất bản 976-2020/CXBIPH/04-17/BKHN; QĐ xuất bản số 73/QĐ-ĐHBK-BKHN, ngày nộp	08	Chủ biên (51%), có xác nhận của các thành viên	03-47	Quyết định số 4943/QĐ-HCQG ngày 28/12/2017 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo

		GT đại học	lưu chiều Quý II năm 2020. Số ISBN 978-604-9931-38-3.		Chủ biên (65%), có xác nhận của các thành viên Chủ biên (51%), có		
4	Quản lý dự án đầu tư.	GT đại học	Nhà xuất bản Bách Khoa. Số xuất bản 976-2020/CXBIPH/03-17/BKHN; QĐ xuất bản số 72/QĐ-ĐHBK-BKHN, ngày nộp lưu chiều Quý II năm 2020. Số ISBN 978-604-9931-37-6.	03	xác nhận của các thành viên	03-153	Quyết định số 4942/QĐ-HCQG ngày 28/12/2017 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo
5	Quản lý xây dựng nông thôn mới.	GT đại học	Nhà xuất bản Bách Khoa. Số xuất bản 852-2020/CXBIPH/01-13/BKHN; QĐ xuất bản số 67/QĐ-ĐHBK-BKHN, ngày nộp lưu chiều Quý II năm 2020. Số ISBN 978-604-9931-18-5.	08		03-74	Quyết định số 4946/QĐ-HCQG ngày 28/12/2017 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo
6	Quản lý nhà nước về TN và MT.	GT cao học	Nhà xuất bản Bách Khoa. Số xuất bản 939-2021/CXBIPH/21-16/BKHN; QĐ xuất bản số 34/QĐ-ĐHBK-BKHN, ngày nộp lưu chiều Quý I năm 2021. Số ISBN 978-604-316-196-0.	05	Thành viên (55%) có xác nhận của chủ biên	79-203	Quyết định số 5400/QĐ-HCQG ngày 20/10/2019 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [2].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiều, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.. đến trang... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận PGS/TS					
1	Khảo sát phân loại và xây dựng chương trình khung bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước cho các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp xã,	Thành viên	Đề tài cấp Bộ QĐ số 228/HCQG-NCKH ngày 14/4/2004 của Giám đốc HVHCQG	2004-2005	Biên bản nghiệm thu đề tài ngày 13 tháng 4 năm 2006 Xếp loại: Khá
2	Điều tra đánh giá chất lượng đào tạo đại học hành chính văn bằng 1, hình thức vừa làm vừa học tại Học viện Hành chính Quốc gia.		Đề tài cấp Bộ QĐ số 2600/HCQG ngày 321/12/2007 của Giám đốc HVHCQG	2007-2008	Biên bản nghiệm thu đề tài ngày 27 tháng 01 năm 2010 Xếp loại: Xuất sắc
II Sau khi được công nhận PGS/TS					
3	Quản lý nhà nước về tài nguyên rừng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững	Chủ nhiệm	Mã số 23/2018 /ĐTCS-HCQG, QĐ số 1298/QĐ ngày 20/4/2018 của Học viện Hành chính Quốc gia	2018	Quyết định nghiệm thu đề tài số 3031/QĐ-HCQG tháng 9/2018. Xếp loại Xuất sắc
4	QLNN về Môi trường trong nền kinh tế thị trường.	Chủ nhiệm	Mã số 26/2019 /ĐTCS-HCQG, QĐ số 962/QĐ ngày 27/3/2019 của Học viện Hành chính Quốc gia	2019	Quyết định nghiệm thu đề tài số 5159/QĐ-HCQG tháng 12/2019. Xếp loại Khá
5	Vai trò, trách nhiệm của Chính phủ và chính quyền địa phương trong việc đảm bảo dịch vụ công đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả.	Chủ nhiệm	Cấp bộ, Mã số: ĐTCT. 02/24 QĐ số 460/QĐ-BNV 28/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	2024	QĐ nghiệm thu Số: 732 /QĐ-BNV ngày 17/10/2024. Kết quả: đạt
6	Đổi mới công tác Kế hoạch – Tài chính tại Học viện Hành chính Quốc gia	Chủ nhiệm	Mã số 33/2024/ĐTCS-HCQG, QĐ số 1292 ngày 04/3/2024	2024	Quyết định nghiệm thu số 8345/QĐ-HCQG tháng 23/12/2024, kết quả: đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại TC QT uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi công nhận PGS/TS								
<i>Bài công bố tạp chí trong nước(06 bài)</i>								
1	1. Một số vấn đề về quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 0868-2828			139/tr 11-13 và tr 50	2007
2	2. Đào tạo đại học hành chính được đầu tư từ ngân sách địa phương theo hướng xã hội hoá giáo dục.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 0868-2828			172/tr 52-55 và tr 67	2010
3	3. Đổi mới công tác quản lý đối với các dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước cho đào tạo đại học và sau đại học.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 0868-2828			186/tr 18-21	2011
4	4. Đổi mới quản lý đầu tư ngân sách nhà nước cho đào tạo đại học, sau đại học ở Việt Nam.	01	X	Tạp chí Cộng sản, ISSN 0876-7876			64/tr. 42-44	2012
5	5. Quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư cho giáo dục đại học bằng vốn ODA.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 0868-2828			207/tr. 47-52	2013
6	6. Chính sách cho sinh viên và những vấn đề đặt ra hiện nay.	01	X	Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, ISSN 0868-2771			06/tr 50-55	2013
II Sau khi được cấp bằng TS								
<i>Công bố tạp chí trong nước (14 bài)</i>								
7	7. Đổi mới cơ chế tạo nguồn thu của	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện			246/tr 52-55	2016

	các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.			Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761				
8	8. Một số giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học.	01	X	Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, ISSN 0868-2771			03/tr 68-72	2017
9	9. Kinh tế và môi trường- Giải pháp phát triển bền vững.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761			05/tr. 79- 82	2018
10	10. Quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng bền vững	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761			270/tr. 82- 85	2018
11	11. Quản lý nhà nước về tài nguyên rừng, qua thực tiễn tỉnh Nghệ An.	01	X	Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, ISN 2525-2585			07/tr 81-85	2018
12	12. Một số vấn đề quản lý nhà nước về Quốc phòng, an ninh trong thời kỳ hội nhập Quốc tế.	01	X	Tạp chí Khoa học Quân sự, Bộ Quốc phòng, ISN 1859-0101			03/tr 29-33	2019
13	13. Phát huy vai trò liên kết vùng trong phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761			281/tr. 53- 56	2019
14	14. Quản lý nhà nước về môi trường trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	01	X	Tạp chí Công an nhân dân, ISN 1859-4409			9/tr. 44-47	2019
15	15. Phát huy tự chủ nguồn lực trong đơn vị sự nghiệp công lập	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761			294/tr 94-97	2020
16	16. Quản lý tài chính Tài sản trong đơn vị SN công lập	2	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia. ISSN 2354-0761			331/tr 64-67	2023
17	17. Vai trò của dịch vụ công trong quản trị nhà nước	2	TG chính	Tạp chí Quản lý nhà nước từ online, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN e 2815-5831		https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/07/16/vai-tro-cua-dich-vu-cong-trong-quan-tri-nha-nuoc/		2024

18	18. Yếu tố tác động đến cung ứng dịch vụ công ở Việt Nam	2	TG chính	Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử online, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN e 2815-5831		https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/08/15/yeu-to-tac-dong-den-cung-ung-dich-vu-cong-o-viet-nam/	2024
19	19. Đổi mới công tác kế hoạch tài chính trong đơn vị sự nghiệp công từ thực tiễn tại Học viện Hành chính Quốc gia	2	TG chính	Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử online, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN e 2815-5831		https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/12/12/doi-moi-cong-tac-ke-hoach-tai-chinh-trong-don-vi-su-nghiep-cong-tu-thuc-tien-tai-hoc-vien-hanh-chinh-quoc-gia/	2024
20	20. Phát huy vai trò của lực lượng an ninh cơ sở trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Tạp chí Quản lý nhà nước	1	TG chính	Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử online, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN e 2815-5831		https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/22/phot-huy-vai-tro-cua-luc-luong-an-ninh-co-so-trong-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/	2025
Công bố tạp chí quốc tế (14 bài)							
21	1. Public investment in Education and Training in Viet Nam	01	X [First Author]	Public by Canadian Center of Science and Education ISN 1913-9020 E-ISN 1913-9039		11/tr 106-115	2018
22	2. Forest Management Meeting the Requirements for Sustainable Development in Vietnam	02	X [First Author]	Public Administration Research ISSN 1927-517x E-ISSN 1927-5188 Published by Canadian Center of Science and Education		9/2/Tr 15-27	2020
23	3. Environmental Management Meeting the Requirements for Sustainable Development in Vietnam	01	X [First Author]	Public Administration Research; ISN 1927-517x E-ISN 1927-5188 Published by Canadian Center of Science and Education		10/2/tr 07-28	2021
24	4. State investment in education and training in Viet Nam	3	X [First Author]	Journal of Law and Political Sciences (JLPS) ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551.	ISI IF = 1,84	Vol. (33), issue 2-2022; Ppage 373 to 393	2022

25	5. The Role of Financial Inclusion, Green Investment and Green Credit on Sustainable Economic Development: Evidence from Vietnam	6	[Corresponding author]	Cuadern os De Economic (Economic Study) ISSN: 0121-4772 2248-4337.	ISI & SCOPUS		Volume 45, Issue 127 Page 1-10	2022
26	6. The factors influence high technology adoption of Agricultural cooperatives in Viet Nam	03	[Corresponding author]	Journal of Law and Political Sciences (JLPS) ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551.	ISI		Vol 34 Issue (3); Page 371-398	2022
27	7. Economic Impact of Climate Change on Agriculture: A Case of Vietnam	07		The Journal of Agrobiotechnology Management & Economics ISSN : 1522-936X.	SCOPUS		Volume 24, Number 1,	2022
28	8. Applying responsibility accounting in Vietnamese firms	05	[Corresponding author]	International Journal of Health Sciences, 6(S2) ISSN: 2550-6978 & 2550 – 696X	SCOPUS		Vol. 6, Issue 2; Page 1936-1944	2022
29	9. Green economic development policy in Vietnam in the context of industrial revolution 4.0 ISN 2336-2693 I E- ISSN: 2336-4890	06	X [First Author]	Central European Management Journal	SCOPUS		Vol. 30 Iss. 3 (2022)	2022
30	10. Policies for developing of team of lecturers at public universities: A case study in Viet Nam ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551	03	X [First Author]	Journal of Law and Political Sciences (JLPS) ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551.	ISI		Vol. (36), 1-2023-p	2023
31	11. The government construction integrity promotion process industrialization, landizationali zation and intergration : on the first policy for representatives and scientists in	06	X [First Author]	Central European Management Journal	SCOPUS		Vol. 31; Issue 1	2023

	VietNam university ò education ISN 2336-2693 I E- ISSN: 2336-4890							
32	12. The impact of a learning management system of VietNam education law on student performance through academic ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551	04		Journal of Law and Polictical Sciences (JLPS) ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551.	ISI		Vol. (37) issue (2)	2023
33	13. Benefits According to Vietgap Ceritification Law: A Evidence from Tea Products in Viet Nam	3	X [First Author]	Journal of Law and Polictical Sciences (JLPS) ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551.	ISI		Vol. (38) issue (3)	2023
34	14. Urban decentraliz ation and authorizati on in Vietnam: Acase of Thuduc city in Ho Chi Minh city	3	X [First Author]	Journal of Law and Polictical Sciences (JLPS) P.ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551.	ISI		Vol. 42, Issue 2. Page 599-645	2024

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS 06 bài: [19]; [24]; [25]; [26], [28], [30] và tác giả liên hệ (Corressponding author) gồm 3 bài [20], [21], [23].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Giáo trình đào tạo đại học quản lý thị trường bất động sản	Phản biện 1	Quyết định thành lập hội đồng số 3927/QĐ-HCQG ngày 24/11/2017		Quyết định số 4849/QĐ-HCQG ngày 28/12/2017

2	Giáo trình đào tạo đại học quản lý đất đai và nhà ở đô thị	Phản biện 1	Quyết định thành lập hội đồng số 3928/QĐ-HCQG, ngày 24/11/2017	Học viện Hành chính Quốc gia	Quyết định số 5002/QĐ-HCQG ngày 29/12/2017
3	Giáo trình đào tạo đại học QLNN về Tài nguyên và Môi trường	Phản biện 2	Quyết định thành lập hội đồng số 4042/QĐ-HCQG, ngày 01/12/2017		Thất lạc
4	Đề tài khoa học cấp cơ sở: Hoàn thiện công tác quản lý vốn đầu tư XDCB từ NS nhà nước cho lĩnh vực thủy lợi tại Bộ NN &PT nông thôn	Ủy viên	Quyết định thành lập hội đồng số 4017/QĐ-HCQG, ngày 01/12/2017		Quyết định số 4684/QĐ-HCQG ngày 22/12/2017
5	Đề tài khoa học cấp cơ sở: QLNN về quy hoạch xây dựng đô thị ven biển, thành phố Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa	Phản biện 2	Quyết định thành lập hội đồng số 4016/QĐ-HCQG, ngày 01/12/2017		Quyết định số 4686/QĐ-HCQG ngày 22/12/2017
6	Đề tài khoa học cấp cơ sở: Chuyển dịch cơ cấu ven biển Quảng Bình nhằm ứng phó với sự cố môi trường ven bờ	Phản biện 1	Quyết định thành lập hội đồng số 4015/QĐ-HCQG, ngày 01/12/2017	Học viện Hành chính Quốc gia	Quyết định số 4685/QĐ-HCQG ngày 22/12/2017
7	- Ban chỉ đạo soạn thảo xây dựng đề án tự chủ của Học viện Hành chính Quốc gia - Hội đồng đánh giá đề án hoạt động tự chủ của Học viện Hành chính Quốc gia. - Ban soạn thảo xây dựng đề án tự chủ của 05 đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Học viện Hành chính Quốc gia	Ủy viên- thư ký Phó trưởng Ban	Quyết định số 1035/QĐ-HCQG, ngày 20/5/2020 Quyết định số 2097/QĐ-HCQG ngày 20/7/2020 Quyết định số 1037,1038,1036,1039,1040/QĐ-HCQG ngày 20/5/2020		Quyết định số 1148/400/783/602 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao dự toán NSNN 2021

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước... được bù bằng điểm...theo quy định

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

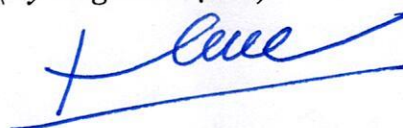
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phùng Văn Hiền